

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung dự án, công trình vào
quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Yên Dũng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang

Xét đề nghị của: Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng tại Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 15/01/2020; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 51/TTr-TNMT ngày 05/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 28 dự án, công trình với diện tích 240,61 ha vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Yên Dũng (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng có trách nhiệm:

1. Công bố công khai việc bổ sung dự án, công trình vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện; thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TN.Thắng.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND huyện Yên Dũng;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH;
 - + Trung tâm Thông tin (dăng tải);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH
BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN YÊN DŨNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2020
của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích		
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)
I	Các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở		1.813.600	1.494.900	318.700
1	Khu dân cư Tiểu khu 3, 4	TT Neo	40.000	39.000	1.000
2	Khu đô thị phía nam	TT. Neo	318.000	270.000	48.000
3	Khu đô thị mới số 1, TT. Tân Dân	Tân Dân	165.000	140.000	25.000
4	Khu đô thị mới Đất Vượng-Phượng Hoàng	Nội Hoàng	152.400	150.000	2.400
5	Khu dân cư thôn An Thịnh, Yên Sơn	Tiền Phong	68.000	66.000	2.000
6	Khu dân cư mới Quyết tiến-Thành Công	Tiền Phong	100.000	95.000	5.000
7	Khu dân cư An Thịnh (làm khu đô thị)	Tiền Phong	115.000	80.000	35.000
8	Dự án 1, 2- Khu đô thị số 2 xã Tiền Phong	Tiền Phong	170.000	95.000	75.000
9	Khu nhà ở xã hội Nội Hoàng	Nội Hoàng	55.000	50.900	4.100
10	Nhà ở xã hội Nham Sơn	Nham Sơn, Yên Lư	51.000	50.000	1.000
11	Khu dân cư Vườn Dí, Bình Voi, Tây	Cảnh Thụy	57.000	52.000	5.000
12	Khu dân cư Hương Gián	Hương Gián	250.000	200.000	50.000
13	Khu dân cư thôn Tây, thôn Nhất	Cảnh Thụy	53.000	42.000	11.000
14	Khu dân cư Đồng Phúc	Đồng Phúc	9.000	9.000	
15	Khu dân cư thôn An Phú, Xuân Đông	Xuân Phú	50.000	45.000	5.000
16	Khu dân cư thôn Sơn Thịnh, Minh Đức, Đức Thành, Đan Phượng	Trí Yên	40.000	37.000	3.000

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích		
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)
17	Khu đô thị số 19, phân khu số 2, thành phố Bắc Giang (thuộc địa phận huyện Yên Dũng)	Hương Gián	120.200	74.000	46.200
II	Các dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội		458.500	421.000	37.500
1	Xây mới trường trung học cơ sở	Thôn Hần, Hương Gián	25.000	24.000	1.000
2	Đường huyện DH.5B	Cảnh Thụy, Tư Mại, Neo, Nham Sơn, Yên Lư	250.000	225.000	25.000
3	Mở rộng QL 17	Tiền Phong, Yên Lư, Nham Sơn	70.000	68.000	2.000
4	Mở rộng TL 398	Nham Sơn, Neo, Cảnh Thụy, Đức Giang, Đồng Việt	79.500	71.000	8.500
5	Đường kết nối khu di tích quốc gia đặc biệt chùa Kem và thiền viện trúc lâm Phương Hoàng	Nham Sơn	19.000	18.000	1.000
6	Đường nối 299-293	Xuân Phú, Hương Gián	15.000	15.000	
III	Các dự án đất thương mại dịch vụ, cây xăng, bến xe		134.000	126.700	7.300
1	Đất thương mại dịch vụ, cây xăng, bến xe	Hương Gián	70.000	70.000	
2	Cây xăng, thương mại dịch vụ	Trí Yên	5.000	4.000	1.000
3	Đất thương mại dịch vụ	Nham Sơn	30.000	23.700	6.300
4	Đất thương mại, dịch vụ	Tân Dân	9.000	9.000	
5	Đất thương mại, dịch vụ	TT Neo	20.000	20.000	
	Tổng cộng I+II +III		2.406.100	2.042.600	363.500